

TÍCH HỢP GIÁO DỤC PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG TRONG TRƯỜNG ĐẠI HỌC VIỆT NAM

INTEGRATING EDUCATION FOR SUSTAINABLE DEVELOPMENT GOALS IN VIETNAMESE HIGHER EDUCATION INSTITUTIONS

NGUYỄN DUY MỘNG HÀ, NGUYỄN LÊ THANH HUYỀN, ĐOÀN THỊ MINH THOA,
thoa.dtm@hcmussh.edu.vn

Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh.

THÔNG TIN	TÓM TẮT
Ngày nhận: 10/09/2025 Ngày nhận lại: 23/09/2025 Duyệt đăng: 18/10/2025 Mã số: TCKH-S04T10-2025-B01 ISSN: 2354 - 0788	Trong thế kỷ XXI, giáo dục đại học cần đào tạo con người sáng tạo, đổi mới và biết hợp tác trong các nhóm đa dạng để giải quyết hiệu quả thách thức phức tạp ở cấp cộng đồng, quốc gia và toàn cầu. Ở Việt Nam, chương trình đào tạo phải tuân thủ Luật Giáo dục đại học và Khung trình độ quốc gia, nhấn mạnh trách nhiệm phục vụ xã hội và yêu cầu hội nhập quốc tế. Vì vậy, lồng ghép các mục tiêu phát triển bền vững (SDGs) vào chương trình và hoạt động đào tạo là nhiệm vụ cấp thiết. Bài viết làm rõ vai trò của giáo dục hướng tới phát triển bền vững, đồng thời đề xuất khung hướng dẫn triển khai SDGs trong giáo dục đại học với ba trụ cột: (1) mục tiêu và chuẩn đầu ra; (2) nội dung giáo dục phát triển bền vững; (3) tổ chức dạy học và đánh giá. Dựa trên khung này, bài viết phân tích sản phẩm các chương trình cử nhân tại một trường ở TP. HCM như nghiên cứu điển hình, cho thấy tích hợp còn rời rạc, tự phát, thiếu quy trình; từ đó đề xuất khuyến nghị để thúc đẩy giáo dục bền vững.
Từ khóa: Phát triển bền vững, giáo dục đại học, chương trình đào tạo, tích hợp, giáo dục vì sự phát triển bền vững. Keywords: Sustainable development, higher education, curriculum, SDGs, integration, education for sustainable development (ESD).	ABSTRACT In the XXI century, there is a need for higher education to train people who are creative, innovative and collaborative in diverse teams to effectively solve complex challenges at the community, national and global levels. In Vietnam, the training program is required to comply with the Law on Higher Education and the National Qualifications Framework, emphasizing the responsibility to serve society and the requirements of international integration. Therefore, integrating the Sustainable Development Goals (SDGs) into training programs and activities is an urgent task. The article clarifies the role of education towards sustainable development and proposes a guiding framework for the implementation of the SDGs in higher education with three pillars: (1) goals and output standards; (2) content of sustainable

development education; (3) organisation of teaching and assessment. Based on this framework, the article analyses the products of several bachelor's programs at a university in Ho Chi Minh City. Ho Chi Minh City, as a case study, shows that the integration is still fragmented, spontaneous and lacks processes; thereby proposing recommendations to promote sustainable education.

1. Mở đầu

Trong bối cảnh toàn cầu hóa, phát triển bền vững đã trở thành định hướng chiến lược của nhiều quốc gia, được cụ thể hóa qua 17 mục tiêu phát triển bền vững của Liên Hợp Quốc như một bản thiết kế cho tương lai tốt đẹp hơn (United Nations, n.d.). Giáo dục, đặc biệt là giáo dục đại học, giữ vai trò then chốt trong việc đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao có năng lực tư duy sáng tạo, liên ngành và hợp tác toàn cầu để giải quyết các thách thức phức tạp về kinh tế, xã hội và môi trường (Zguir et al., 2021). Do đó, việc tích hợp mục tiêu phát triển bền vững vào chương trình đào tạo (CTĐT) đại học là yêu cầu cấp thiết, không chỉ nhằm cung cấp tri thức mà còn để hình thành giá trị, kỹ năng và thái độ của công dân toàn cầu có trách nhiệm.

Tổng quan các nghiên cứu quốc tế cho thấy giáo dục vì sự phát triển bền vững (Education for Sustainable Development - ESD) đã được UNESCO và Liên Hợp Quốc định hình từ thập niên 1990 và ngày càng được cụ thể hóa trong Chương trình nghị sự 2030 (UNESCO, 2017). Các công trình học thuật khẳng định ESD cần được triển khai đồng bộ trong chuẩn đầu ra, nội dung chương trình, phương pháp giảng dạy và đánh giá (Avelar et al., 2025; Biggs & Tang, 2011). Tuy vậy, tại Việt Nam, việc tích hợp các mục tiêu này còn thiếu tính hệ thống và chưa có nhiều nghiên cứu đi sâu vào khung triển khai trong bối cảnh giáo dục đại học. Từ thực tế đó, bài báo đặt ra ba câu hỏi nghiên cứu cụ thể:

(1) SDGs được tích hợp như thế nào trong mục tiêu và chuẩn đầu ra của CTĐT?

(2) SDGs được tích hợp như thế nào trong nội dung CTĐT?

(3) SDGs được tích hợp như thế nào trong phương pháp dạy học và hình thức kiểm tra, đánh giá của các môn học?

Trên cơ sở đó, mục tiêu của bài báo là phân tích vai trò của giáo dục vì sự phát triển bền vững trong giáo dục đại học và đề xuất một khung lý thuyết tích hợp phù hợp với bối cảnh Việt Nam. Đồng thời, nghiên cứu tiến hành khảo sát một trường hợp điển hình để đánh giá thực trạng tích hợp theo ba khía cạnh trên, từ đó đưa ra những khuyến nghị nhằm thúc đẩy việc triển khai hiệu quả hơn giáo dục vì sự phát triển bền vững trong các trường đại học Việt Nam.

2. Phương pháp nghiên cứu

2.1. Thiết kế nghiên cứu

Nghiên cứu được triển khai theo hướng kết hợp giữa nghiên cứu lý luận và nghiên cứu thực tiễn. Trước hết, nhóm tác giả tiến hành nghiên cứu tài liệu nhằm hệ thống hóa cơ sở lý luận về giáo dục vì sự phát triển bền vững (ESD) và mục tiêu phát triển bền vững, qua đó đề xuất một khung lý thuyết tích hợp trong đào tạo đại học. Tiếp theo, tác giả thực hiện nghiên cứu trường hợp điển hình mang tính khám phá (exploratory case study) tại một trường đại học ở Thành phố Hồ Chí Minh nhằm khảo sát, đánh giá thực trạng tích hợp ESD trong chương trình đào tạo. Sự kết hợp này cho phép nghiên cứu vừa có nền tảng khoa học vững chắc, vừa có bằng chứng thực tiễn để đề xuất các khuyến nghị phù hợp với bối cảnh ở Việt Nam.

2.2. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu gồm hai nhóm chính: lý luận và thực tiễn. Về lý luận, nghiên cứu khai thác các tài liệu quốc tế và trong nước liên quan đến ESD và SDGs, bao gồm văn kiện của Liên

Hợp Quốc, UNESCO, công trình nghiên cứu khoa học, báo cáo tổng kết và hướng dẫn xây dựng chương trình đào tạo. Về thực tiễn, gần 30 chương trình đào tạo đại học và 30 đề cương môn học đại diện thuộc giai đoạn 2020 - 2025 tại một trường đại học ở TP. Hồ Chí Minh được lựa chọn để phân tích. Phạm vi nghiên cứu tập trung vào chương trình chính khóa, bao gồm các khối kiến thức đại cương, cơ sở ngành và chuyên ngành.

2.3. Công cụ và phương pháp thu thập dữ liệu

Nghiên cứu sử dụng kết hợp nghiên cứu tài liệu và khảo sát thực tiễn.

Về nghiên cứu tài liệu: Các công trình quốc tế và trong nước về ESD, SDGs và giáo dục đại học được rà soát và phân tích nhằm xây dựng khung khái niệm và chỉ báo phân tích. Các khung lý thuyết quốc tế được đối chiếu với bối cảnh Việt Nam để nhận diện sự tương đồng, khác biệt và khả năng vận dụng.

Về khảo sát thực tiễn: Dữ liệu được thu thập chủ yếu thông qua phân tích sản phẩm (document analysis) của 30 CTĐT và 30 đề cương môn học. Thông tin được trích xuất theo phiếu chuẩn hóa gồm: mục tiêu đào tạo, chuẩn đầu ra, nội dung môn học, phương pháp dạy học và hình thức đánh giá.

2.4. Phương pháp phân tích dữ liệu

Dữ liệu thu thập được xử lý bằng sự kết hợp của ba phương pháp:

Phân tích nội dung: Các mục tiêu, chuẩn đầu ra và nội dung môn học được mã hóa và phân loại theo ba nhóm chủ đề: (i) mục tiêu và chuẩn đầu ra, (ii) nội dung chương trình theo 5Ps và 17 SDGs, (iii) phương pháp tổ chức dạy học và hình thức đánh giá.

Thống kê mô tả: Các yếu tố phát triển bền vững được thống kê tần suất xuất hiện trong CTĐT và đề cương môn học. Kết quả được trình bày bằng bảng biểu, cho phép so sánh mức độ tích hợp giữa các nhóm ngành.

Tổng hợp và so sánh: Các kết quả phân tích được đối chiếu giữa lý luận, quy định chính sách và dữ liệu thực tiễn, nhằm làm rõ mức độ phù

hợp, khoảng cách và nguyên nhân. Qua đó, nghiên cứu hướng tới đề xuất khung lý thuyết tích hợp và khuyến nghị triển khai ESD trong giáo dục đại học tại Việt Nam.

3. Kết quả và thảo luận

3.1. Các khái niệm

3.1.1. Giáo dục vì sự phát triển bền vững

Phát triển bền vững (Sustainable Development) được Liên Hợp Quốc định nghĩa trong Báo cáo Tương lai chung của chúng ta (Brundtland, 1987) là quá trình phát triển nhằm đáp ứng nhu cầu của thế hệ hiện tại mà không làm tổn hại đến khả năng đáp ứng nhu cầu của các thế hệ tương lai. Mô hình này nhấn mạnh sự hài hòa giữa ba trụ cột: kinh tế, xã hội và môi trường, đồng thời đề cao sự bình đẳng trong nội bộ xã hội và giữa các quốc gia.

Trên nền tảng đó, Giáo dục vì sự phát triển bền vững được hiểu là một cách tiếp cận giáo dục nhằm trao quyền cho người học phát triển năng lực, giá trị và hành động cần thiết để định hình một tương lai bền vững (UNESCO, 2017). Khái niệm ESD được chính thức đưa vào Chương trình nghị sự của Liên Hợp Quốc tại Hội nghị Rio de Janeiro năm 1992 và sau đó được nhấn mạnh trong “Thập kỷ Giáo dục vì Phát triển bền vững” (2005 - 2014) do UNESCO điều phối. Theo UNESCO (2005, 2017), ESD không chỉ cung cấp kiến thức về các vấn đề phát triển bền vững mà còn hướng tới chuyển hóa nhận thức, thái độ và hành vi của người học, giúp họ trở thành những công dân có trách nhiệm với xã hội, môi trường và các thế hệ tương lai.

ESD không đơn thuần là tích hợp các nội dung mới vào chương trình đào tạo, mà là một cách tiếp cận giáo dục toàn diện, nhằm trang bị cho người học năng lực tư duy phản biện, tư duy hệ thống, năng lực liên ngành và thái độ chủ động trong giải quyết các vấn đề phức hợp của xã hội hiện đại. Nói cách khác, ESD không chỉ truyền đạt tri thức về phát triển bền vững, mà còn hướng tới chuyển hóa tư duy và hành vi, tạo điều kiện để người học trở thành tác nhân thay

đổi, đóng góp vào việc đạt được các mục tiêu phát triển bền vững toàn cầu. Trong bối cảnh giáo dục đại học, ESD là chìa khóa để định hình lại mục tiêu đào tạo, nội dung chương trình và phương pháp giảng dạy theo hướng phát triển năng lực bền vững, liên ngành và gắn với thực tiễn.

3.1.2. Tích hợp giáo dục vì sự phát triển bền vững trong chương trình đào tạo đại học

Đại học là cấp học đảm nhận nhiệm vụ đào tạo đội ngũ trí thức và nhân lực chất lượng cao để tham gia hoạch định chính sách, vận hành nền kinh tế - xã hội và giải quyết các vấn đề môi trường (Altbach et al., 2019; Court et al., 2002). Giáo dục đại học không chỉ là giai đoạn đào tạo chuyên sâu về tri thức, kỹ năng nghề nghiệp, mà còn giữ vai trò trung tâm trong việc hình thành năng lực tư duy hệ thống, tư duy phản biện, sáng tạo và trách nhiệm xã hội ở người học (Delors et al., 1996; Barnett, 1997).

Với chức năng nghiên cứu và phát triển tri thức mới, các cơ sở giáo dục đại học là nơi thúc đẩy đổi mới sáng tạo, tạo ra các giải pháp cho những vấn đề phức hợp trong bối cảnh toàn cầu hóa và khủng hoảng môi trường - xã hội ngày càng gia tăng (Hessen & Schmelkes, 2022); Sterling, 2010).

Trong bối cảnh đó, ESD được nhìn nhận như một định hướng mang tính chiến lược của giáo dục đại học với cách tiếp cận giáo dục giúp người học phát triển năng lực, giá trị và hành động nhằm kiến tạo một tương lai bền vững, hài hòa giữa ba trụ cột: kinh tế, xã hội và môi trường (UNESCO, 2017).

Đặc biệt, SDG 4.7 trong Chương trình nghị sự 2030 của Liên Hợp Quốc đã nhấn mạnh vai trò của giáo dục trong việc thúc đẩy các mục tiêu phát triển bền vững thông qua việc lồng ghép các nội dung về công dân toàn cầu, đa văn hóa, bình đẳng giới và phát triển bền vững vào hệ thống giáo dục.

Tích hợp ESD vào chương trình đào tạo đại học vì thế được hiểu là quá trình đưa các nguyên

tắc, nội dung và phương pháp của phát triển bền vững vào cấu trúc chương trình đào tạo, bao gồm:

- (1) Xây dựng mục tiêu đào tạo và chuẩn đầu ra hướng đến năng lực bền vững;
- (2) Lồng ghép các nội dung ESD vào môn học đại cương, cơ sở và chuyên ngành;
- (3) Áp dụng các phương pháp giảng dạy tích cực như học theo dự án, học tập phục vụ cộng đồng, học qua trải nghiệm;
- (4) Đổi mới hình thức đánh giá, thúc đẩy tư duy phản biện, khả năng phản tư và hành động vì cộng đồng.

Khác với cách tiếp cận tích hợp rời rạc hay hình thức, việc tích hợp ESD hiệu quả đòi hỏi sự tương thích giữa các thành phần cấu thành chương trình theo nguyên tắc thiết kế ngược (constructive alignment), đảm bảo người học không chỉ nắm vững kiến thức mà còn phát triển năng lực hành động vì phát triển bền vững (Biggs & Tang, 2011; Rieckmann, 2018). Với sứ mệnh đào tạo nguồn nhân lực trình độ cao, các trường đại học cần đóng vai trò đầu tàu trong việc thực hiện các mục tiêu phát triển bền vững, thông qua cải tiến chương trình đào tạo, đổi mới phương pháp giảng dạy và gắn kết mạnh mẽ hơn với cộng đồng, từ đó lan tỏa tư duy bền vững trong toàn xã hội.

3.2. Vai trò của giáo dục hướng tới phát triển bền vững trong bối cảnh giáo dục đại học

Theo khung 5Ps của Liên Hợp Quốc (People - Con người, Planet - Hành tinh, Prosperity - Thịnh vượng, Peace - Hòa bình, Partnership - Quan hệ đối tác), các mục tiêu phát triển bền vững bao quát từ việc bảo đảm nhu cầu sống cơ bản (SDGs 1-3, 6), thúc đẩy bình đẳng và hòa bình (SDGs 5, 10, 16, 17), bảo vệ hệ sinh thái và tài nguyên (SDGs 7, 13, 14, 15) cho đến phát triển kinh tế xanh và đổi mới sáng tạo (SDGs 8, 9, 11, 12) (Hình 1). Trong đó, giáo dục có chất lượng (SDG 4) giữ vai trò trung tâm, bởi nó cung cấp nền tảng tri thức, giá trị và năng lực cho thế hệ trẻ nhằm hiện thực hóa các mục tiêu còn lại.



Hình 1. 17 mục tiêu phát triển bền vững của Liên Hợp Quốc

(Nguồn: Liên Hợp Quốc Việt Nam, n.d.)

ESD trong giáo dục đại học không chỉ dừng lại ở việc trang bị kiến thức, mà còn hướng đến kiến tạo ba loại hình tri thức: (i) tri thức hệ thống giúp người học hiểu rõ mối quan hệ tương tác giữa xã hội, kinh tế và môi trường; (ii) tri thức mục tiêu nhằm định hướng ra quyết định, xây dựng viễn cảnh phát triển bền vững và (iii) tri thức chuyển giao giúp triển khai các giải pháp cụ thể trong thực tiễn (Pohl & Hirsch, 2006). Ba loại tri thức này hình thành nền tảng để sinh viên không chỉ tiếp nhận thông tin mà còn phát triển năng lực phản tư, tư duy phê phán và khả năng hành động vì phát triển bền vững.

Như vậy, vai trò của giáo dục đại học trong triển khai phát triển bền vững thể hiện ở việc đào tạo ra những công dân toàn cầu có khả năng và trách nhiệm thúc đẩy các trụ cột kinh tế, xã hội và môi trường, đồng thời đảm bảo sự lan tỏa của các giá trị bền vững trong mọi lĩnh vực đời sống. Việc tích hợp ESD vào chương trình đào tạo không chỉ là đáp ứng yêu cầu của Chương trình nghị sự 2030 mà còn là chiến lược để nâng cao chất lượng giáo dục đại học, góp phần gìn giữ di sản văn hóa - xã hội và đảm bảo sự phát triển lâu dài của nhân

loại (Neugebauer, 2018). Điều này khẳng định giáo dục đại học không chỉ truyền đạt tri thức mà còn góp phần đào tạo công dân toàn cầu, phù hợp với các nghiên cứu trước đây của UNESCO (2005, 2017) và Zguir et al. (2021).

3.3. Khung lý thuyết đề xuất tích hợp ESD vào chương trình đào tạo đại học

3.3.1. Mục tiêu phát triển bền vững trong chương trình giáo dục đại học

Giáo dục nói chung và giáo dục đại học nói riêng đóng góp tích cực vào hành trình hướng đến sự PTBV mà LHQ đã đề cập bằng cách tích hợp ba loại hình tri thức được trình bày ở trên trong CTĐT. Có thể thấy cấu trúc của CTĐT bậc đại học về cơ bản có 2 khối kiến thức chính: khối kiến thức giáo dục đại cương và khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (thường bao gồm kiến thức cơ sở ngành và kiến thức chuyên ngành) cũng liên quan đến các nhóm tri thức trên. Các tài liệu của UNESCO có nhiều hướng dẫn chi tiết về tích hợp các chủ đề PTBV vào các CTĐT cùng với chuẩn đầu ra cụ thể cho từng mục tiêu PTBV có thể được tham khảo cho các ngành học bậc đại học (như các chủ đề về biến đổi khí hậu,

đa dạng sinh học, môi trường đại dương, sản xuất và tiêu thụ bền vững, chính sách xóa đói giảm nghèo). Tài liệu khung chương trình học vì mục tiêu PTBV năm 2017 gợi ý các yêu cầu về kiến thức, kỹ năng, giá trị và thái độ cụ thể đối với từng mục tiêu PTBV từ 1 đến 17 (Osman et al., 2017), trong đó các nội dung ở bậc đại học trong tài liệu (tertiary education) có thể làm tài liệu tham khảo cho các CTĐT đại học các khối ngành đa dạng như kiến trúc, quản lý, kinh doanh, y tế, kỹ thuật, môi trường, xã hội, sư phạm... nhằm giải quyết các thách thức toàn cầu một cách toàn diện.

Các ngành đào tạo có tính liên ngành và tích hợp mục tiêu PTBV của LHQ tiêu biểu như ngành quản lý môi trường, quản lý đô thị... vừa thuộc nhóm kinh tế, xã hội và sinh thái, môi trường. Trong từng môn học, bài học, các chủ đề về PTBV đều có thể được lồng ghép tùy theo đặc thù môn học, bài học. Đặc biệt, trong bối cảnh các mục tiêu PTBV, các nhà giáo dục cần cung cấp nền tảng học thuật và thực tiễn để sinh viên hiểu được sự liên kết giữa các khía cạnh kinh tế, xã hội và môi trường, từ đó phát triển các giải pháp bền vững và toàn diện (Avelar et al., 2025). Việc tích hợp các mục tiêu PTBV vào giáo dục đại học đòi hỏi phương pháp giảng dạy phù hợp, và sự phối hợp giữa các bên liên quan, có chiến lược và toàn diện để tích hợp ESD và các mục tiêu PTBV vào chương trình giảng dạy (Zguir et al., 2021). Các chuyên gia thiết kế CTĐT bậc đại học có thể tham khảo các hướng dẫn của LHQ để lồng ghép mục tiêu và chủ đề PTBV vào các khối kiến thức của CTĐT.

3.3.2. Khung giáo dục đại học tích hợp mục tiêu phát triển bền vững

Các CTĐT trên thế giới hiện nay thường được xây dựng theo nguyên tắc giáo dục dựa trên chuẩn đầu ra (outcome-based education hay OBE), một khái niệm do Spady (1994) khởi xướng. Biggs đã kết hợp OBE với thuyết học tập kiến tạo (constructivism) phát triển nguyên lý

tương thích hệ thống hay tương thích kiến tạo (constructive alignment), được xem là phương thức dạy học dựa trên kết quả học tập mong đợi. Các phương pháp dạy học và kiểm tra đánh giá học tập được thiết kế để giúp người học đạt các kết quả mong đợi đó (Biggs & Tang, 2011; Biggs, 2014).

Nội dung dạy học PTBV trong CTĐT được thiết kế theo chuẩn đầu ra/kết quả học tập mong đợi cần dựa trên mục tiêu PTBV của LHQ nhằm giáo dục toàn diện về phẩm chất năng lực PTBV, đồng thời tích hợp nội dung 5 Ps theo các mục tiêu này. Có thể tích hợp mô hình 5 Ps (people, peace, partnership, planet, prosperity) trong 3 phạm vi trụ cột Kinh tế, Văn hóa-Xã hội và Môi trường để xây dựng khung hướng dẫn lồng ghép giáo dục phát triển bền vững ở bậc đại học. Khung chương trình triển khai quốc tế (International Implementation Scheme) của LHQ đề xuất tích hợp 3 phạm vi này trong giáo dục PTBV (UNESCO, 2006):

(1) Phạm vi văn hóa-xã hội đề cập đến các vấn đề liên quan đến nhân quyền, hòa bình, an ninh, bình đẳng giới, đa dạng văn hóa và hiểu biết liên văn hóa, sức khỏe, HIV & AIDS và các mô hình quản trị mới;

(2) Phạm vi môi trường đề cập đến các vấn đề liên quan đến tài nguyên môi trường (nước, năng lượng, nông nghiệp, đa dạng sinh học), biến đổi khí hậu, phát triển nông thôn, đô thị hóa bền vững, ngăn ngừa và giảm nhẹ thiên tai;

(3) Phạm vi kinh tế đề cập đến các vấn đề liên quan đến giảm nghèo, trách nhiệm tập thể và trách nhiệm giải trình, định hướng lại kinh tế thị trường.

Do đó, dựa vào nguyên tắc OBE, tương thích kiến tạo và các chủ đề 5Ps theo 3 phạm vi trụ cột, có thể phát triển khung giáo dục đại học tích hợp PTBV như là một hình thức giáo dục vì sự PTBV (Education for Sustainable Development hay ESD) đối với tất cả các ngành học nói chung như sau:

Bảng 1. Khung giáo dục đại học tích hợp mục tiêu phát triển bền vững

Mục tiêu và chuẩn đầu ra giáo dục phát triển bền vững	Nội dung giáo dục lồng ghép 5Ps	Triển khai giáo dục phát triển bền vững	
		Phương pháp và hoạt động dạy học	Kiểm tra đánh giá kết quả học tập
I - Nhóm phẩm chất, năng lực chung về phát triển bền vững (1) kiến thức liên ngành và kiến thức về PTBV (2) kỹ năng và tư duy liên ngành, hệ thống, tư duy phản biện, các kỹ năng hợp tác, giao tiếp liên văn hóa; học tập suốt đời (3) tinh thần trách nhiệm, thái độ khoan dung văn hóa/tôn trọng các giá trị văn hóa đa dạng, ý thức tự học tự nghiên cứu, hành động có đạo đức, chính trực II - Nhóm phẩm chất, năng lực PTBV đặc thù (1) Năng lực dự đoán tương lai (2) Năng lực phân tích, tổng hợp đa chiều (3) Năng lực hành động chiến lược, xử lý các vấn đề phức tạp, quản lý rủi ro (4) Năng lực giải quyết vấn đề PTBV sáng tạo (5) Năng lực thấu cảm (empathy), trách nhiệm xã hội	P1-People: chủ đề hay môn học/học phần về điều kiện sống cơ bản của con người (xóa đói, giảm nghèo, công tác xã hội, giáo dục công dân, tâm lý, y tế công cộng, sức khỏe tinh thần, trách nhiệm xã hội...) gồm các SDGs 1-3 và 6 P2-Peace: Các chủ đề hay môn học/học phần liên quan đến bình đẳng, hòa bình và công lý, an ninh và an toàn xã hội, đa dạng văn hóa, đối thoại, giải quyết xung đột, công dân toàn cầu... (các SDGs 5, 10, 16) P3-Partnership: Các chủ đề hay môn học/học phần về các mối quan hệ tích cực, hợp tác quốc tế/đa phương, dự án cộng đồng, các kỹ năng mềm về giao tiếp, hợp tác... (SDG 17) P4-Planet: Các chủ đề hay môn học/học phần liên quan đến môi trường (SDG 7, 13, 14, 15) như năng lượng, tài nguyên thiên nhiên; du lịch; biến đổi khí hậu, thiên tai; hệ sinh thái, rừng; sinh vật dưới nước, đa dạng sinh học; ô nhiễm môi trường (đất, nước, không khí...) P5-Prosperity: Các chủ đề hay môn học/học phần liên quan đến phát triển kinh tế xanh: kinh tế bền vững; tiêu dùng và sản xuất xanh; công nghiệp sáng tạo; khoa học kỹ thuật; đô thị thông minh (các SDG 8, 9, 11 và 12)	I - Nhóm phương pháp dạy học dự án, tình huống - Học tập theo dự án (Project-based learning) - Học tập giải quyết vấn đề (Problem-based learning) - Học tập theo tình huống (case-based learning) II - Nhóm học tập trải nghiệm, phục vụ cộng đồng (service learning/ community-based learning) tích hợp phản tư (reflection) - Tham quan thực tế, dã ngoại, điền dã.... III - Dạy học dựa trên nghệ thuật sáng tạo (Art-based Learning) IV - Nhóm phương pháp dạy học tương tác - Thảo luận nhóm - Tranh biện V - Nhóm phương pháp tự học	- Bài tập dự án lớn - Portfolios (hồ sơ sản phẩm của sinh viên) - Bài tập nghiên cứu (liên ngành) - Bài thuyết trình nhóm nghiên cứu - Bài thu hoạch thực tế, báo cáo phục vụ cộng đồng - Sản phẩm dự án, nghệ thuật - Bài thi trắc nghiệm kiến thức/chủ đề tổng hợp - Bài tiểu luận phản tư

Tóm lại, dựa trên các nguyên lý của Outcome-Based Education (Spady, 1994) và Constructive Alignment (Biggs & Tang, 2011), nghiên cứu đã đề xuất khung tích hợp SDGs gồm ba thành tố: (1) mục tiêu và chuẩn đầu ra; (2) nội dung giáo dục gắn với 5Ps và (3) tổ chức dạy học và đánh giá. Khung này vừa phù hợp với định hướng quốc tế (UNESCO, 2006; Osman et al., 2017) vừa có khả năng áp dụng trong bối cảnh Việt Nam, góp phần cụ thể hóa các cam kết của giáo dục đại học đối với Chương trình nghị sự 2030.

3.4. Thực trạng tích hợp giáo dục phát triển bền vững trong các chương trình đào tạo đại học (nghiên cứu trường hợp)

3.4.1. Thực trạng tích hợp giáo dục phát triển bền vững trong mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Qua khảo sát gần 30 CTĐT của một trường đại học tại TP. HCM có thể tổng kết các mục tiêu và chuẩn đầu ra tiêu biểu được phát biểu theo 2 nhóm năng lực về kiến thức, kỹ năng và phẩm chất, thái độ như sau:

Nhóm phẩm chất, năng lực chung liên quan đến phát triển bền vững.

- Vận dụng kiến thức nền tảng về chính trị, pháp luật, văn hoá, xã hội, môi trường và công nghệ để phân tích, giải quyết các vấn đề liên ngành.

- Thể hiện tinh thần trách nhiệm xã hội, đạo đức nghề nghiệp, ý thức phục vụ cộng đồng và tôn trọng đa dạng văn hoá.

- Giao tiếp hiệu quả bằng tiếng Việt và ngoại ngữ, sử dụng thành thạo CNTT trong học tập, nghiên cứu và công việc.

- Làm việc độc lập và hợp tác nhóm hiệu quả trong bối cảnh đa ngành, đa văn hoá.

Nhóm phẩm chất, năng lực phát triển bền vững đặc thù theo hướng liên ngành.

- Phân tích, so sánh và vận dụng kiến thức chuyên ngành kết hợp liên ngành để nhận diện, giải quyết các vấn đề phức hợp.

- Thiết kế, triển khai và đánh giá các dự án/hoạt động liên quan đến lĩnh vực chuyên ngành trong môi trường liên ngành.

- Áp dụng các phương pháp nghiên cứu định tính, định lượng và tiếp cận liên ngành để thực hiện nghiên cứu và đổi mới sáng tạo.

- Vận dụng tư duy liên ngành để kết nối lý thuyết và thực tiễn, đưa ra giải pháp khả thi, hiệu quả và sáng tạo.

- Nhận diện và phân tích tác động xã hội, kinh tế và môi trường của các hoạt động nghề nghiệp.

- Đề xuất và thực hiện các giải pháp chuyên ngành có tích hợp mục tiêu PTBV, thúc đẩy công bằng, bao trùm và thích ứng biến đổi.

- Tham gia và dẫn dắt các sáng kiến, dự án vì cộng đồng, phát triển bền vững ở cấp địa phương, quốc gia hoặc quốc tế.

- Thể hiện cam kết học tập suốt đời, đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp gắn với trách nhiệm xã hội và PTBV.

Như vậy, các chuẩn đầu ra được phát biểu trong các CTĐT ít nhiều có liên quan đến mục tiêu PTBV của LHQ. Đây là điểm tích cực ở các CTĐT tại trường đại học này, tuy chưa được tích hợp đồng bộ và còn mang tính tự phát, chưa có quy định và hướng dẫn cụ thể của nhà trường về việc tích hợp này. Những ngành học có đặc thù thiên về xã hội và có triết lý giáo dục toàn diện thường tích hợp nhiều mục tiêu PTBV hơn những ngành còn lại.

3.4.2. Thực trạng tích hợp giáo dục phát triển bền vững trong nội dung của chương trình đào tạo

Ở Việt Nam, theo Quy định về chuẩn chương trình đào tạo; xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học của Bộ Giáo dục và Đào tạo (theo Thông tư 17/2021/TT-BGDĐT ban hành ngày 22/6/2021): “Các thành phần được sử dụng để thiết kế cấu trúc tổng thể của chương trình đào tạo như giáo dục đại cương, khoa học cơ bản, cơ sở và cốt lõi ngành, thực tập và trải nghiệm, nghiên cứu khoa học và các thành phần

khác” (mục 13, Điều 2). Khối kiến thức giáo dục đại cương theo mục tiêu PTBV được thiết kế với các môn học cung cấp kiến thức nền tảng đa dạng về khoa học xã hội và nhân văn (KHXH&NV), khoa học tự nhiên (KHTN), công nghệ thông tin (CNTT), đặc biệt là các môn học vừa mang tính liên ngành, vừa gắn các yếu tố giáo dục bền vững. Đối với khối kiến thức chuyên ngành, tùy theo đặc thù ngành học mà các môn học có thể tích hợp yếu tố liên ngành và các nội dung PTBV vì các mục tiêu PTBV liên quan đến rất nhiều lĩnh vực như KHXH&NV, KHTN, CNTT, Kinh tế, Công nghệ Kỹ thuật, Khoa học Sức khỏe...

Ngoài ra, cũng theo Thông tư 17/2021/TT-BGDĐT có mục 3b, Điều 8 “Đối với các chương trình đào tạo song ngành, ngành chính - ngành phụ, chương trình đào tạo cần được cấu trúc để thể hiện

rõ những thành phần chung và những phần riêng theo từng ngành”. Như vậy, đối với CTĐT liên ngành, song ngành hay CTĐT tích hợp ngành chính và ngành phụ thì ngoài các môn học liên quan trực tiếp đến PTBV, nội dung trong các môn học cũng có thể được lồng ghép các chủ đề về PTBV theo đặc thù ngành. Khi đó, người học có cơ hội vận dụng kiến thức đa dạng của CTĐT để nghiên cứu, đưa ra các giải pháp bền vững cho các vấn đề phức tạp, có tính toàn cầu. Tóm lại, CTĐT mang tính liên ngành, song ngành có thể tích hợp mục tiêu PTBV một cách linh hoạt, mềm dẻo, song vẫn đảm bảo tính hệ thống chặt chẽ của ngành học. Kết quả tìm hiểu, nghiên cứu các CTĐT của cùng trường đại học trên tại TP.HCM trong giai đoạn 2020-2025 cho thấy nội dung theo 5 nhóm chủ đề 5 Ps được tích hợp vào các CTĐT cụ thể theo tên môn học/học phần như sau:

Bảng 2. Các môn học liên quan hoặc tích hợp mục tiêu phát triển bền đại học ở TP. Hồ Chí Minh

Nội dung 5 Ps	Các môn học/học phần liên quan hoặc tích hợp 5Ps và phát triển bền vững trong các CTĐT
P1-People: chủ đề hay môn học/học phần liên quan điều kiện sống cơ bản của con người (xóa đói, giảm nghèo, công tác xã hội, giáo dục công dân, tâm lý, y tế công cộng, sức khỏe tinh thần, trách nhiệm xã hội...) gồm các SDGs 1-3 và 6	Các môn học thuộc khối kiến thức giáo dục đại cương tiêu biểu - Các môn học liên quan đến tư tưởng chính trị, đạo đức công dân: Triết học Mác -Lênin, Tư tưởng Hồ Chí Minh, Lịch sử Đảng Cộng sản VN - Các môn học liên quan đến tâm lý con người: Tâm lý học đại cương, Tâm lý học phát triển, Tâm lý học xã hội - Các môn học liên quan đến con người trong tập thể cộng đồng, xã hội: Nhân học đại cương, Xã hội học đại cương - Các môn học liên quan đến giá trị nhân văn, di sản của con người: Văn hoá Việt Nam, Lịch sử văn minh thế giới Các môn học thuộc khối kiến thức chuyên ngành tiêu biểu - Quyền trẻ em, Chính sách xã hội, An sinh xã hội (liên quan đến quyền và điều kiện cuộc sống con người) - Thực tập, kiến tập và Dự án cộng đồng
P2-Peace: Các chủ đề hay môn học/học phần liên quan đến bình đẳng, hòa bình và công lý, an ninh và an toàn xã hội, đa dạng văn hóa, đối thoại, giải quyết xung đột, công dân toàn cầu... (các SDGs 5, 10, 16)	Các môn học thuộc khối kiến thức chuyên ngành tiêu biểu - Luật và đạo đức nghề nghiệp - Pháp luật đại cương - Công tác xã hội nhóm, cộng đồng - Giáo dục cộng đồng - Nhân quyền và công bằng xã hội - Chính sách công - Giao tiếp đa văn hóa/liên văn hóa - Tâm lý học tổ chức nhân sự, Tâm lý học quản lý

P3-Partnership: Các chủ đề hay môn học/học phần về các mối quan hệ tích cực, hợp tác quốc tế/ đa phương, dự án cộng đồng, các kỹ năng mềm về giao tiếp, hợp tác... SDG 17)	<i>Các môn học thuộc khối kiến thức cơ sở ngành, bổ trợ và chuyên ngành tiêu biểu:</i> - Kỹ năng giao tiếp, Kỹ năng đàm phán, Kỹ năng hội nhập - Kỹ năng làm việc nhóm, Quản trị dự án - Hợp tác quốc tế và khu vực - Quan hệ quốc tế trong bối cảnh toàn cầu hóa - Quan hệ các nước ASEAN - Quan hệ các nước liên minh Châu Âu
P4-Planet: Các chủ đề hay môn học/học phần liên quan đến môi trường như năng lượng, tài nguyên thiên nhiên; du lịch; biến đổi khí hậu, thiên tai; hệ sinh thái, rừng; sinh vật dưới nước, đa dạng sinh học; ô nhiễm môi trường (đất, nước, không khí...), (SDG 7, 13, 14, 15)	<i>Môn học thuộc khối kiến thức giáo dục đại cương tiêu biểu</i> - Môi trường và phát triển <i>Các môn học thuộc khối kiến thức chuyên ngành tiêu biểu</i> - Các môn học liên quan môi trường sinh thái: Địa lý tự nhiên, Địa lý đô thị, Sinh thái cảnh quan, Sinh thái học, Khí hậu học, Thủy văn học, Tác động của biến đổi khí hậu với đô thị - Các môn học liên quan chính sách chiến lược bảo vệ môi trường: Chính sách môi trường, Luật môi trường, Đánh giá rủi ro sinh kế, Kỹ thuật xử lý chất thải đô thị, Quản lý chất thải, nước thải và khí thải - Các môn học liên quan đến phát triển bền vững: Bền vững và biến đổi khí hậu, môi trường và xã hội, Phát triển nông thôn bền vững, Phát triển cộng đồng đô thị bền vững
P5-Prosperity: Các chủ đề hay môn học/học phần liên quan đến phát triển kinh tế xanh: kinh tế bền vững; tiêu dùng và sản xuất xanh; công nghiệp sáng tạo; khoa học kỹ thuật; đô thị thông minh (các SDG 8, 9, 11 và 12)	<i>Môn học thuộc khối kiến thức giáo dục đại cương tiêu biểu</i> - Kinh tế học đại cương <i>Các môn học thuộc khối kiến thức chuyên ngành tiêu biểu</i> - Đánh giá tính bền vững dự án đô thị, Phát triển cộng đồng, Phát triển kinh tế cộng đồng - Phân tích và quản lý rủi ro kinh tế đô thị - Truyền thông đa phương tiện, Marketing, Quảng cáo - Môi trường văn minh đô thị, Xu hướng phát triển đô thị - Văn hoá - hội và kinh tế các quốc gia - Quản lý xã hội và văn hóa đô thị

Như vậy, bảng trên cho thấy các CTĐT của trường đại học trong trường hợp nghiên cứu điển hình đều có các môn học/học phần liên quan hoặc có nội dung, chủ đề tích hợp các nhóm 5 Ps với 17 mục tiêu PTBV của LHQ ở hầu hết các ngành học tuy là do đặc thù ngành học hoặc tùy theo kinh nghiệm, mối quan tâm của từng giảng viên hoặc theo các sách, giáo trình, tài liệu giảng dạy, tham khảo cập nhật.

Tuy nhiên, cũng còn nhiều ngành học thể hiện rất ít nội dung PTBV trong các học phần

giáo dục chuyên nghiệp thuộc khối kiến thức chuyên ngành.

3.4.3. Thực trạng lồng ghép phát triển bền vững trong tổ chức dạy học và đánh giá học tập trong chương trình đào tạo

Qua tìm hiểu một số đề cương chi tiết môn học tiêu biểu ở một số CTĐT của nhà trường cũng như qua tìm hiểu một số báo cáo tự đánh giá cấp CTĐT, có thể tóm tắt các phương pháp dạy học và hình thức kiểm tra đánh giá kết quả học tập của người học theo chuẩn đầu ra thể hiện ở bảng sau:

Bảng 3. Các phương pháp dạy học và kiểm tra đánh giá
trong các CTĐT tại một trường đại học ở TP. Hồ Chí Minh

Phương pháp và hoạt động dạy học	Kiểm tra đánh giá kết quả học tập
- Thảo luận nhóm, thuyết trình nhóm - Học tập theo dự án - Học tập giải quyết vấn đề - Học tập phục vụ cộng đồng - Học tập trải nghiệm qua tham quan thực tế, dã ngoại, điền dã. - Học tập theo tình huống, đóng vai - Tự học, học theo nhóm nhỏ	- Kiểm tra/thi trắc nghiệm - Kiểm tra tự luận - Kiểm tra/thi vấn đáp - Bài tập nghiên cứu dự án nhóm - Bài thuyết trình nhóm - Bài thu hoạch thực tế - Bài tập tiểu luận

Hình thức dạy học phổ biến là thuyết giảng kết hợp gợi mở, hỏi đáp, kể đến là thảo luận nhóm, thuyết trình nhóm. Hình thức học tập theo dự án, học tập giải quyết vấn đề, học tập phục vụ cộng đồng, học tập trải nghiệm, tranh luận... để phát triển tư duy phản biện, khả năng giải quyết các vấn đề PTBV còn khá hạn chế trong các đề cương học phần. Hình thức trò chơi nhóm, đóng vai chủ yếu ở các ngành khối ngoại ngữ. Về kiểm tra đánh giá thì hình thức kiểm tra truyền thống vẫn còn khá phổ biến (viết tự luận, trắc nghiệm, vấn đáp) bên cạnh hình thức tiểu luận cuối kỳ. Hình thức sử dụng Portfolios (hồ sơ sản phẩm của sinh viên) còn khá hạn chế. Có rất ít hình thức kiểm tra đánh giá tích hợp yêu cầu phản tư (reflection).

3.4.4. Đánh giá chung về thực trạng tích hợp giáo dục phát triển bền vững trong các chương trình đào tạo đại học

Từ thực trạng tích hợp giáo dục phát triển bền vững trong chương trình đào tạo đại học tại một trường đại học ở TP. HCM có thể nhận diện rõ mức độ và cách thức tích hợp các mục tiêu phát triển bền vững qua ba khía cạnh: (1) mục tiêu và chuẩn đầu ra, (2) nội dung chương trình đào tạo và (3) phương pháp dạy học và hình thức đánh giá như sau:

(1) *Mục tiêu và chuẩn đầu ra*: Kết quả khảo sát 30 chương trình đào tạo tại một trường đại học ở TP. HCM cho thấy nhiều chuẩn đầu ra đã thể hiện năng lực liên ngành, trách nhiệm xã hội và khả năng nghiên cứu, đổi mới sáng tạo. Tuy nhiên, việc tích hợp còn thiếu tính hệ thống, chủ

yếu dựa vào sáng kiến tự phát của từng ngành hoặc giảng viên.

(2) *Nội dung chương trình*: Các môn học liên quan đến cả 5Ps đều hiện diện trong chương trình, đặc biệt ở các ngành khoa học xã hội và nhân văn. Dù vậy, sự phân bổ chưa đồng đều; nhiều ngành kỹ thuật và chuyên ngành đặc thù mới chỉ lồng ghép ở mức hạn chế. So với khuyến nghị của Osman et al. (2017), mức độ tích hợp tại trường hợp nghiên cứu vẫn còn rời rạc.

(3) *Phương pháp dạy học và đánh giá*: Các phương pháp truyền thống như thuyết giảng, thảo luận và thi viết vẫn chiếm ưu thế. Các phương pháp gắn với ESD như học tập dự án, học tập phục vụ cộng đồng hay portfolios còn ít được áp dụng. Kết quả này cho thấy khoảng cách đáng kể so với mô hình quốc tế, nơi các phương pháp dạy học tích cực được xem là nền tảng để phát triển năng lực bền vững (Avelar et al., 2025).

Kết quả trên cũng cho thấy việc tích hợp giáo dục phát triển bền vững mới dừng ở mức cục bộ, chưa có quy định và hướng dẫn thống nhất từ cấp trường. Ngoài ra, sự tham gia của giảng viên còn phụ thuộc nhiều vào kinh nghiệm và mối quan tâm cá nhân, dẫn đến sự chênh lệch giữa các ngành. Hạn chế này ảnh hưởng đến khả năng lan tỏa của ESD trong toàn hệ thống và làm giảm hiệu quả hình thành năng lực bền vững cho sinh viên. Những phát hiện này cũng phù hợp với các nhận định của Zguir et al. (2021) rằng nhiều cơ sở giáo dục đại học vẫn thiếu chiến lược toàn diện để triển khai ESD. Đồng thời, sự thiếu đồng bộ trong phương pháp giảng dạy và

đánh giá cũng trùng khớp với các hạn chế được Biggs (2014) chỉ ra về việc chưa vận dụng triệt để nguyên lý tương thích kiến tạo.

Qua các phân tích trên, nghiên cứu này một lần nữa cho thấy tầm quan trọng của việc xây dựng một khung lý thuyết tích hợp giáo dục phát triển bền vững vào chương trình đào tạo đại học tại Việt Nam. Kết quả mang ý nghĩa tham khảo cho các nhà quản lý giáo dục trong việc ban hành chính sách, đồng thời cung cấp cơ sở thực tiễn để thiết kế chương trình, phương pháp giảng dạy và công cụ đánh giá phù hợp.

4. Kết luận và hàm ý chính sách

Nghiên cứu này khẳng định rằng giáo dục đại học theo định hướng phát triển bền vững của Liên Hợp Quốc không chỉ là xu thế tất yếu mà còn là yêu cầu cấp thiết trong bối cảnh hội nhập và toàn cầu hóa. Có thể rút ra một số kết luận chính sau:

Thứ nhất, bối cảnh toàn cầu đang biến động nhanh chóng với những đột phá về công nghệ, kinh tế và xã hội đặt ra yêu cầu mới đối với giáo dục đại học. Các trường cần đào tạo nguồn nhân lực có khả năng thích ứng, tư duy sáng tạo, năng lực hợp tác và tinh thần trách nhiệm xã hội để giải quyết các vấn đề phức tạp một cách hài hòa trên cả ba trụ cột: kinh tế, xã hội và môi trường.

Thứ hai, nghiên cứu đã tổng quan cơ sở lý luận quốc tế và đề xuất khung giáo dục đại học theo mục tiêu phát triển bền vững, trong đó các thành tố 5Ps được tích hợp vào ba nhóm trọng tâm: mục tiêu và chuẩn đầu ra, nội dung chương trình và phương pháp tổ chức dạy học - đánh giá. Khung này vừa tham chiếu hướng dẫn của UNESCO, vừa gợi mở khả năng áp dụng trong bối cảnh Việt Nam.

Thứ ba, kết quả phân tích trường hợp điển hình tại một trường đại học ở TP. CM cho thấy nhiều chương trình đào tạo đã lồng ghép các yếu tố phát triển bền vững trong mục tiêu, chuẩn đầu ra và môn học đại cương, chuyên ngành. Tuy

nhien, khoảng một phần ba chương trình vẫn chưa thể hiện rõ sự tích hợp trong các học phần chuyên ngành. Phương pháp dạy học và đánh giá còn thiên về truyền thống, thiếu các hình thức trải nghiệm, dự án liên ngành và công nghệ hỗ trợ học tập, do đó chưa phát huy đầy đủ năng lực bền vững của sinh viên.

Từ những kết quả này, nghiên cứu đề xuất một số hàm ý chính sách và khuyến nghị thực tiễn:

Ở cấp quốc gia, Bộ Giáo dục và Đào tạo cần ban hành hướng dẫn khung và chỉ đạo cụ thể về tích hợp mục tiêu phát triển bền vững trong chương trình đào tạo đại học, đồng thời xây dựng cơ chế đánh giá, giám sát việc triển khai.

Ở cấp cơ sở giáo dục, các trường đại học cần xây dựng chiến lược toàn diện để tích hợp ESD vào mục tiêu, chuẩn đầu ra, nội dung chương trình và hoạt động giảng dạy - đánh giá; khuyến khích giảng viên áp dụng phương pháp dạy học tích cực, học tập phục vụ cộng đồng, dự án liên ngành và các hình thức đánh giá phản tư.

Về năng lực đội ngũ, cần có chính sách đào tạo, bồi dưỡng giảng viên để nâng cao nhận thức và năng lực triển khai ESD, đồng thời khuyến khích chia sẻ kinh nghiệm tốt giữa các khoa, ngành.

Cuối cùng, nghiên cứu cũng gợi mở hướng nghiên cứu tiếp theo theo hướng mở rộng phạm vi khảo sát sang nhiều cơ sở giáo dục đại học khác, kết hợp phương pháp định tính (phỏng vấn sâu, tọa đàm chuyên gia) và định lượng (khảo sát bảng hỏi trên quy mô rộng) để có cái nhìn toàn diện hơn. Điều này sẽ góp phần củng cố cơ sở khoa học và thực tiễn cho việc đổi mới chương trình, đồng thời cung cấp luận cứ quan trọng cho hoạch định chính sách giáo dục đại học theo định hướng phát triển bền vững ở Việt Nam.

LỜI CẢM ƠN

Nghiên cứu được tài trợ bởi Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh trong khuôn khổ Đề tài mã số “C2024-18b-04”.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Altbach, P. G., Reisberg, L., & Rumbley, L. E. (2019). *Trends in Global Higher Education: Tracking an Academic Revolution*: Brill (pp. 17-19).
- Avelar, A. B. A., Michell, S. F., & Sandes-Guimarães, L. V. (2025). Integrating sustainable development goals in management education: Impact on student knowledge, attitudes, and behaviors. *The International Journal of Management Education*, 23(2), 101116. <https://doi.org/10.1016/j.ijme.2024.101116>
- Barnett, R. (1997). *Higher education: A critical business*. Buckingham: Open University Press.
- Biggs, J., & Tang, C. (2011). *Teaching for quality learning at university* (4th ed.). Maidenhead: McGraw-Hill.
- Biggs, J. (2014). *Constructive alignment in university teaching*. HERDSA Review of Higher Education, 1, 5-2.
- Brundtland, G.H. (1987). *Our Common Future: Report of the World Commission on Environment and Development*. Geneva, UN-Dokument A/42/427. <http://www.un-documents.net/ocf-ov.htm>
- Court, D., Crawford, M. F., Darvas, P., Golladay, F., Holm-Nielsen, L. B., Hopper, R. R., Markov, A. R., Van Meel, R. M., Millot, B., Moock, P. R., Mukherjee, H. G., Saint, W., Salmi, J., Shrivastava, S. K., & Steier, F. A. (2002). *Constructing knowledge societies: New challenges for tertiary education*. World Bank Group. <https://documents.worldbank.org/curated/en/732991468143369052>
- Delors, J. (1996). *Learning: The treasure within: Report to UNESCO of the International Commission on Education for the Twenty-first Century (highlights)* (ED.96/WS/9). UNESCO.
- Hessen, D. O., & Schmelkes, S. (2022). *Higher education and the SDGs* (WHEC2022 background document, Theme 02). UNESCO. <https://unesdoc.unesco.org/ark:/48223/pf0000382069>
- Liên Hợp Quốc Việt Nam. (n.d.). *Các Mục tiêu Phát triển Bền vững tại Việt Nam*. United Nations. <https://vietnam.un.org/vi/sdgs>
- Neugebauer, C. S. (2018). *Interdisziplinär, multilateral und transparent?* Archimaera, 2018, 25-5. <http://www.archimaera.de/urn:nbn:de:0009-21-46984>
- Osman, A., Ladhani, S., Findlater, E., & McKay, V. (2017). *A curriculum framework for the Sustainable Development Goals*. London: Commonwealth Secretariat.
- Pohl, C., & Hirsch H. G. (2006). *Gestaltungsprinzipien für die transdisziplinäre Forschung*. München: Oekom.
- Spady, W. G. (1994). *Outcome-based education: Critical issues and answers*. Arlington, VA: American Association of School Administrators.
- Sterling, S. (2011). Transformative learning and sustainability: Sketching the conceptual ground. *Learning and Teaching in Higher Education*, 5(11), 17-3.
- UNESCO. (2006). *Framework for the UN DESD international implementation scheme*. <https://unesdoc.unesco.org/ark:/48223/pf0000148650>
- UNESCO. (n.d.). *Education for sustainable development*. UNESCO. <https://www.unesco.org/en/sustainable-development/education>
- United Nations. (n.d.). *Sustainable Development Goals*. United Nations. <https://www.un.org/sustainabledevelopment/sustainable-development-goals/>

UNESCO. (2005). *United Nations decade of education for sustainable development (2005-014): International implementation scheme*. Paris: UNESCO.

UNESCO. (2017). *Education for sustainable development goals: Learning objectives*. Paris: UNESCO. <https://unesdoc.unesco.org/ark:/48223/pf0000247444>

United Nations. (2015). *Transforming our world: The 2030 agenda for sustainable development*. New York: United Nations.

Zguir, M. F., Dubis, S., & Koç, M. (2021). Embedding education for sustainable development and values in curriculum: A comparative review on Qatar, Singapore and New Zealand. *Journal of Cleaner Production*, 319, 128534. <https://doi.org/10.1016/j.jclepro.2021.128534>.